

# KẾT QUẢ TRIỂN KHAI GIỐNG LÚA NƯƠNG NĂNG SUẤT CAO

LÊ VĂN THUYẾT<sup>1</sup>, NGUYỄN VĂN VÁN<sup>1</sup>,  
ĐINH NGỌC LÂM<sup>1</sup>, NGÔ VĂN PHAN<sup>2</sup>

Từ năm 1995 - 1996, Viện Bảo vệ thực vật (BVTV) phối hợp với Trung tâm chuyển giao tiến bộ kỹ thuật - Viện KHKTNN Việt Nam đã nghiên cứu, tuyển chọn một số giống lúa nương có triển vọng LC90-4, LC90-5, LC88-66, LC88-671, ITA331 và gần đây, Bộ môn côn trùng - Viện BVTV tuyển chọn được các giống LN93-1, LN93-2, LN93-4. Trong năm 1999, chúng tôi đã triển khai đánh giá những giống lúa nương này tại một số tỉnh miền núi phía Bắc. Kết quả bước đầu cho thấy, khả năng của chúng có thể đưa vào thay thế các giống lúa nương cũ tại một số vùng, nhằm góp phần nâng cao năng suất, tăng cường lương thực cho đồng bào dân tộc miền núi.

## I. PHƯƠNG PHÁP TIẾN HÀNH

(+) Lựa chọn các giống lúa nương đã được đánh giá là có triển vọng đưa vào sản xuất. (+) Nhân giống ngay trong vụ xuân tại các vùng có điều kiện phù hợp (Khánh Hoà) để có đủ giống cung cấp kịp thời cho sản xuất. (+) Phối hợp với các cơ quan có liên quan cung cấp giống và xây dựng quy trình sản xuất để phục vụ việc mở rộng sản xuất. (+) Xây dựng mô hình sản xuất lúa nương năng suất cao có hiệu quả phục vụ cho việc trình diễn, tuyên truyền mở rộng. (+) Tổ chức tập huấn, huấn luyện, hội nghị đầu bờ, tham quan mô hình trình diễn, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng như báo chí, phát thanh, truyền hình nhằm phổ biến rộng rãi phạm vi ứng dụng những giống lúa này vào sản xuất.

## II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

a) *Nhân giống lúa nương*: Ngoài một số lượng giống mua được trong dân, chúng tôi đã phối hợp với Chi cục BVTV tỉnh Khánh Hoà là nơi có điều kiện thời tiết phù hợp trong vụ xuân tiến hành

nhân giống nhằm kịp thời cung cấp đủ lượng giống cho vụ lúa nương trong năm.

Quá trình nhân giống được thực hiện tại HTX Vinh Hiệp, ngoại thành TP. Nha Trang, từ tháng 12-1998 đến tháng 4-1999.

Ruộng nhân giống rộng 6 ha ở chân gò đồi không chủ động nước. Đất trước khi gieo hạt phải được cày bừa tơi nhuyễn, san phẳng ruộng, vỡ sạch cỏ. Áp dụng biện pháp gieo vãi như các giống lúa địa phương, mật độ gieo 160 kg/ha.

Lượng phân bón sử dụng bao gồm: Urê 160 kg/ha, Supe lân: 120 kg/ha, Clorua kali: 80 kg/ha, cao hơn so với quy trình chung (theo thứ tự N; P; K: 50, 100, 150 kg/ha). Chia làm 3 lần bón như sau: Lần 1: Bón sau sạ 10 ngày, urê 60 kg, P60 kg. Lần 2: Bón sau sạ 20 ngày, urê 60 kg, P60kg. Lần 3: Bón sau sạ 46 ngày, urê 40 kg, KCl 80 kg.

Lưu ý, phun thuốc trừ cỏ Sofit ngay sau gieo 2 ngày. Do ở chân ruộng gò đồi nên khi ruộng khô phải bơm nước từ sông lên.

Theo dõi, so sánh các chỉ tiêu sinh trưởng của giống lúa nương (LN93-1) trong vụ xuân tại Khánh Hoà và vụ mùa (chính vụ) tại Sơn La, Yên Bái. Kết quả thu được cũng gần tương tự nhau. Tuy nhiên ưu thế phần nào nghiêng về Khánh Hoà, do hạt giống được gieo vãi trên ruộng có nước, nên có mật độ bông/m<sup>2</sup> cao hơn do vậy đạt năng suất cao (40-43 tạ/ha). Tại Sơn La, Yên Bái mật độ bông/m<sup>2</sup> thấp do hạt được gieo theo hốc nhưng quá trình sinh trưởng cây lúa có bông dài hơn và tỷ lệ hạt/bông cao hơn nên năng suất chỉ thấp hơn ở Khánh Hoà chút ít, (đạt 35 - 40 tạ/ha).

b) *Công tác triển khai giống lúa nương mới trên diện rộng*: Trong thời gian qua, chúng tôi đã phối hợp với các Sở nông nghiệp-PTNT các tỉnh miền núi và một số cơ quan Trung ương vừa tuyên

BẢNG 1. Công tác triển khai lúa nương năm 1999.

TT	Địa phương và đơn vị triển khai	Lượng giống (kg)	Diện tích triển khai (ha)
1	Lạng Sơn	1700	15
2	Lai Châu	1000	8
3	Viện Thổ nhưỡng nông hóa (Hà Giang, Tuyên Quang, Yên Bái)	2200	20
4	Hoà Bình	600	0,5
5	Sơn La	5000	40
6	Yên Bái	1500	12
7	Công ty giống (Nghệ An)	1000	8
8	Nghệ An	1000	8
9	Hà Tây	500	0,3
10	Viện Sinh thái tài nguyên sinh vật + Viện di truyền nông nghiệp (Lai Châu, Hà Giang).	500	0,3
11	Quảng Nam, Quảng Trị, Quảng Bình, Bắc Cạn, Ninh Bình	500	0,3
12	Quảng Ninh	500	0,3
<b>Tổng cộng</b>		<b>16.000</b>	<b>112,7</b>

1. Viện Bảo vệ thực vật. 2. Trạm Khuyến nông Mộc Châu, Sơn La.

truyền phổ biến, vừa xây dựng mô hình sản xuất giống lúa nương mới có hiệu quả.

Riêng năm 1999 vừa qua đã cung cấp giống cho gần 20 đơn vị triển khai trên 15 tỉnh thuộc địa bàn miền núi phía Bắc và một số tỉnh miền Trung (bảng 1), trong đó chủ yếu là các giống lúa LN93-1, LN93-2 và một số ít LN93-4. Tại các địa phương năng suất của những giống lúa này đạt 25 - 40 tạ/ha (chủ yếu là các tỉnh phía Bắc). Nhiều địa phương đánh giá cao về tiềm năng của những giống lúa nương mới và đã quyết định đưa vào cơ cấu phát triển cho các năm sau.

c) *Xây dựng các mô hình sản xuất lúa nương năng suất cao tại Mộc Châu, Sơn La:* Cũng trong thời gian qua, ngoài việc tuyên truyền, phổ biến giới thiệu về những giống lúa nương mới dự án còn trực tiếp xây dựng mô hình sản xuất lúa nương năng suất cao tại huyện Mộc Châu làm cơ sở cho việc ứng dụng vào sản xuất nhằm mở rộng diện tích gieo trồng các giống lúa nương mới.

Mô hình được triển khai tại các xã Chiềng Khoa: 10 ha, Phiêng Luông: 8 ha, thị trấn nông trường

Mộc Châu: 12 ha. Các giống lúa tham gia trong mô hình bao gồm LN93-1: 22 ha, LN93-2: 6,5 ha; LN93-4 là 1,5 ha.

Mô hình sản xuất lúa nương năng suất cao được xây dựng theo quy trình sau: Thời vụ gieo hạt từ 5 - 15/5/1999, sử dụng phương pháp gieo rạch hàng, gieo theo khóm, mỗi khóm 4 - 5 hạt, với lượng giống gieo: 120 kg/ha. Lượng phân bón sử dụng trong quy trình là:

- Đạm urê: 100 kg/ha

- Phân lân Văn Điển: 200 kg/ha

- Clorua kali: 70 kg/ha. Cách bón như sau: Bón lót toàn bộ phân lân + 25 kg urê/ha, bón thúc lần 1: 15 - 20 ngày sau khi mọc: 50 kg urê + 35 kg kali. Bón thúc lần 2: 55 - 70 ngày sau khi mọc: 25 kg urê + 35 kg kali. Trước khi bón trộn đều các loại sau đó rải theo hàng và vun lấp. Thực hiện làm cỏ 2 lần, kết hợp với bón phân.

Kết quả theo dõi các chỉ tiêu sinh trưởng và năng suất của các giống lúa nương được trình bày ở bảng 2.

BẢNG 2. Các chỉ tiêu sinh trưởng và năng suất lúa nương tại huyện Mộc Châu - Sơn La, vụ mùa 1999.

TT	Giống Chỉ tiêu	LN93-1	LN93-2	LN93-4	Tê mào địa phương
<b>I</b>	<b>Đặc điểm sinh trưởng</b>				
1	Ngày gieo hạt	5/5	7/5	7/5	7/5
2	Ngày mọc mầm	9/5	11/5	11/5	11/5
3	Tỷ lệ mọc mầm (%)	95	90	95	90
4	Ngày bắt đầu đẻ nhánh	28/5	30/5	29/5	2/6
5	Ngày kết thúc đẻ nhánh	8/6	11/6	11/6	15/6
6	Số đánh bình quân/khóm	12,3	13,2	12,1	12,5
7	Ngày kết thúc trở 10%	5/8	12/8	15/8	5/9
8	Ngày kết thúc trở 90%	13/8	20/8	23/8	20/9
9	Chiều dài lá đồng (cm)	24-28	23-28	26-30	28-32
10	Chiều rộng lá đồng (cm)	1,2-1,3	1,3-1,4	1,3-1,5	1,1-1,5
11	Chiều cao cây (cm)	95-110	90-105	120-130	140-145
12	Chiều dài bông (cm)	20-22	20-23	24-26	24-26
13	Ngày chín hoàn toàn	7-15/9	14-20/9	16-21/9	25-30/9
14	Ngày thu hoạch	15-20/9	20-25/9	21-25/9	20-25/10
15	Thời gian sinh trưởng (ngày)	115-120	125-130	130-135	155-170
<b>II</b>	<b>Yếu tố năng suất</b>				5,5
1	Số bông bình quân/khóm	7,5	7,2	6,8	20
2	Số khóm/m <sup>2</sup>	32	29	28	
3	Tổng số hạt/bông	118,5	123,2	116,2	
4	Số hạt chắc/bông	81	85,1	92	
5	Số hạt lép/bông	37,5	38,2	24,2	
6	Tỷ lệ hạt lép (%)	31,6	30,9	20,8	
7	P1000 hạt (gram)	24	23	28	
8	Năng suất lý thuyết (tạ/ha)	47	41	49	15 (ước)
9	Năng suất thực tế (tạ/ha)	41-42	34-37	40-42	12-14

Kết quả theo dõi ghi ở bảng 2 cho thấy, các giống lúa nương mới đều có tỷ lệ mọc mầm khá 90 - 95%, chiều cao cây đạt bình quân 100 - 120cm, thời gian sinh trưởng ngắn hơn giống lúa địa phương 20 - 40 ngày, năng suất đạt 34 - 42 tạ/ha, cao gấp 3 lần giống lúa địa phương. Đây còn là các giống lúa chịu thâm canh, có gia đình bón tới 300 kg urê/ha nhưng cây lúa vẫn sinh trưởng tốt, không bị lốp đổ.

Có thể thay thế các giống lúa địa phương bằng những giống lúa nương mới trên các nương rẫy định cư, nhằm thu hẹp dần diện tích trồng lúa nương để hạn chế phá rừng đốt nương mới.

d) *Công tác tuyên truyền, huấn luyện:* Cũng trong thời gian này, chúng tôi đã mở 6 lớp tập huấn tại 3 xã bao gồm: 3 lớp tập huấn trước khi gieo cấy kết hợp phân phối giống về kỹ thuật làm đất gieo

cây, 3 lớp tập huấn trước khi làm cỏ đợt 1 về kỹ thuật chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh. Số người được tập huấn là 300 lượt người. Ngoài ra, còn lựa chọn những người có khả năng tiếp thu, hướng dẫn đào tạo họ thành những kỹ thuật viên để họ về tuyên truyền phổ biến cho những hộ gia đình khác trong thôn bản. Dự án đã tổ chức nhiều hội nghị đầu bờ, tham quan mô hình trình diễn. Đối tượng tham dự là đại biểu các Sở NN và PTNT, các Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường, một số Chi cục BVTV của 11 tỉnh miền núi phía Bắc như Sơn La, Lai Châu, Yên Bái, Hoà Bình, Hà Giang, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Bắc Giang, Lào Cai, Chi cục BVTV Thừa Thiên Huế, các đại biểu các hộ nông dân tham gia mô hình và một số cơ

quan có liên quan đến việc quản lý theo dõi triển khai như Cục Định canh định cư, Cục Khuyến nông khuyến lâm... Đây cũng là hình thức tuyên truyền phổ biến rộng về những giống lúa nương mới rất thiết thực đối với các địa phương có gieo trồng lúa nương.

Phối hợp với công tác tập huấn, huấn luyện và hội nghị đầu bờ, chúng tôi có mời các cơ quan thông tin đại chúng, các phóng viên của Báo, Đài đưa tin, tuyên truyền, hướng dẫn, phổ biến kỹ thuật canh tác do vậy đã góp phần nâng cao hiệu quả của dự án.

e) *Hiệu quả kinh tế:* Căn cứ vào những chi phí trong quá trình thực hiện dự án chúng tôi đã tính chi phí bình quân cho 1 ha lúa nương (bảng 3).

BẢNG 3.

TT	Chỉ tiêu	Giống lúa mới		Giống địa phương	
		Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
1	Giống	120kg x 7000đ	840.000đ	100kg x 3000đ	300.000đ
2	Phân urê	100kg x 2500đ	250.000đ	100kg x 2500đ	250.000đ
3	Phân lân Văn Điển	200kg x 1000đ	200.000đ	-	-
4	Phân Kali	70 kg x 2400đ	168.000đ	-	-
5	Công lao động	216 công x 10000đ	216.000đ	216 công x 10000đ	216.000đ
	<b>Cộng</b>		<b>1.674.000đ</b>		<b>766.000đ</b>

Như vậy, chi phí sản xuất cho 1 ha lúa nương mới là: 1.674.000đ và lúa nương cũ là 766.000đ. Dựa vào năng suất sản lượng và giá thóc tại thời điểm đó chúng tôi tính toán thu nhập từ sản xuất lúa nương như sau: Lúa nương giống mới 39,8 tạ x 250.000đ = 9.950.000đ. Lúa nương giống địa phương 13 tạ x 300.000đ = 3.900.000đ. Từ đây chúng tôi tính được phân lãi so với đầu tư như sau: Lúa nương giống mới: 9,95 triệu - 1,674 triệu = 8,376 triệu đồng. Lúa nương giống cũ: 3,9 triệu - 0,766 triệu = 3,134 triệu đồng. Như vậy, trồng lúa nương giống mới đạt hiệu quả đầu tư tăng gần gấp 3 lần so với trồng lúa nương giống cũ.

f) *Thử nghiệm lúa nương trên chân ruộng 1 vụ:* Các tỉnh miền núi phía Bắc còn một khối lượng diện tích khá lớn các chân ruộng một vụ do vụ đông xuân khô hạn nên bị bỏ hoang chỉ gieo cấy trong vụ mùa. Lúa nương là giống chịu hạn nhưng khả năng chịu rét yếu. Năm 1996 chúng tôi cũng đã tiến hành thử nghiệm trên 6,2 ha tại Yên Bái giống lúa LC88-66 nhưng chỉ có 4,7 ha trồng ở những vùng thấp, ấm cho thu hoạch năng suất từ 13 - 27 tạ/ha, ở vùng núi cao lúa bị chết khi mới mọc do bị rét.

Vụ đông xuân năm 1999 dự án lại tiếp tục thử nghiệm tại huyện Yên Bình, huyện Văn Yên và thị xã Yên Bái 2,6 ha trong đó giống LN93-1 là 0,5 ha

và LN93-2 là 2,1 ha. Có 29 hộ nông dân tham gia. Thời gian gieo từ 9-12 tháng 2: Vụ này do thời tiết ấm nên sau 10 ngày lúa đã mọc và cho thu hoạch vào 25-6 - 5-7. Thời gian sinh trưởng 145 - 150 ngày. Năng suất đạt từ 18 - 25 tạ/ha. Đây mới chỉ là những thử nghiệm ban đầu cần phải được thử nghiệm thêm và làm tốt công tác tuyên truyền huấn luyện để người dân chấp nhận và đưa vào sản xuất.

#### IV. KẾT LUẬN

Trong năm 1999 công tác nghiên cứu triển khai những giống lúa nương mới, năng suất cao cho các vùng đồng bào dân tộc ở một số tỉnh thuộc vùng núi phía Bắc đã đạt được một số kết quả ban đầu. Những giống lúa nương mới đã đem lại hiệu quả kinh tế, xã hội rõ rệt. Tuy nhiên để thay đổi hẳn tập quán sản xuất lạc hậu, sử dụng giống địa phương năng suất thấp đòi hỏi các cơ quan nghiên cứu cần tuyển chọn nhanh nhiều giống mới phù hợp với điều kiện sản xuất của vùng và xây dựng mô hình trình diễn để nhanh chóng phổ biến trên diện rộng. Đây cũng chính là biện pháp thiết thực giúp đồng bào miền núi ổn định cuộc sống định canh, định cư, giảm phá rừng, đốt nương bảo vệ môi trường, xã hội.

#### RESULTS OF DEVELOPING HIGH YIELDING UPLAND RICE (Summary)

In 1999, there were 112.7 ha of 15 mountainous provinces of North Vietnam cultivated with high yielding upland rice. 16 MT of rice seed were used, in which there were main varieties such as: LN93-1, LN93-2 LN93-4, etc. A package of producing high yielding upland rice for mountainous areas has been applied.